

Số: 192/QĐ-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp, hệ chính quy
cho học sinh các khóa cũ**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 01/2015/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành "Điều lệ trường Cao đẳng";

Căn cứ Quyết định số 1727/QĐ-GDĐT-TC ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt "Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh";

Căn cứ Thông tư số 22/2014/TT-BGD&ĐT ngày 09 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành "Quy chế đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp";

Căn cứ Quyết định số 1819/QĐ-LTT ngày 02 tháng 12 năm 2015 của Hiệu trưởng trường cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp các khóa cũ thi lại, kỳ thi tháng 01 năm 2016;

Căn cứ biên bản buổi họp xét tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp ngày 08 tháng 3 năm 2016 của Hội đồng thi tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp các khóa cũ thi lại, kỳ thi tháng 01 năm 2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tuyển sinh - Đào tạo - Giới thiệu việc làm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp, hệ chính quy cho 42 học sinh các khóa (có danh sách kèm theo)

Điều 2. Học sinh đủ điều kiện tốt nghiệp, đã nộp chứng chỉ Tin học và tiếng Anh theo quy định được cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các học sinh có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, P.TS-ĐT-GTVL.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2016

DANH SÁCH HỌC SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP

KỶ THI THÁNG 01 NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định: 192/QĐ-LTT-ĐT ngày 08 tháng 3 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MSHS	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	GT	DÂN TỘC	ĐIỂM TBC HỌC TẬP TOÀN KHÓA			ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP				ĐIỂM XẾP LOẠI TN	XẾP LOẠI TN	TỔNG SỐ ĐVHT	CÓ CC TIN HỌC	CÓ CC ANH VĂN	GHI CHÚ
									Năm I	Năm II	TBC	C.TRI	LT	TH	TBC						
KHÓA 2012 TCCN																					
1	12B3080007	Nguyễn Văn	Cơ	12TC-Đ1	09/12/1991	Ninh Thuận			6.3	7.0	6.6	6.5	5.5	5.0	5.7	6.2	TB	111			3 môn 1 lần
2	12B3080011	Vũ Trọng	Đại	12TC-Đ1	08/12/1992	Long An			5.8	6.8	6.2	6.5	5.5	5.0	5.7	6.0	TB	111			3 môn 1 lần
3	12B3080015	Trần Huy	Giáp	12TC-Đ1	10/10/1994	Nam Hà			6.1	6.9	6.4	6.5	5.5	5.0	5.7	6.1	TB	111			3 môn 1 lần
4	12B3080024	Phạm Thanh	Hòa	12TC-Đ1	16/9/1993	Bình Thuận			6.0	6.5	6.2	6.0	6.5	5.0	5.8	6.0	TB	111			3 môn 1 lần
5	12B3080031	Trương Tấn	Kiệt	12TC-Đ1	22/4/1994	Bình Thuận			5.9	6.7	6.3	7.0	8.0	5.0	6.7	6.5	TB	111			3 môn 1 lần
6	12B3080035	Lê	Lợi	12TC-Đ1	25/9/1994	Bình Định			6.3	6.9	6.6	7.5	5.0	5.0	5.8	6.2	TB	111			3 môn 1 lần
7	12B3080055	Hà Trung Trí	Thức	12TC-Đ1	14/8/1994	Cần Thơ			6.4	7.0	6.7	6.0	5.5	5.0	5.5	6.1	TB	111			3 môn 1 lần
8	12B2020050	Hoàng Đình	Tân	12TC-QTM 1	22/5/1993	Đồng Nai			6.1	6.4	6.2	5.5	5.0	7.0	5.8	6.0	TB	106			3 môn 1 lần + 1 môn 2 lần
KHÓA 2013 TCCN																					
9	13B3080002	Lâm Thanh	Bình	13TC-Đ1	27/3/1994	Tp. Hồ Chí Minh			6.1	6.9	6.4	7.5	8.0	5.0	6.8	6.6	TB	104	x	x	3 môn 1 lần
10	13B3080005	Dương Hữu	Công	13TC-Đ1	21/7/1993	Bình Thuận			5.7	6.3	5.9	7.5	7.0	5.0	6.5	6.2	TB	104	x	x	3 môn 1 lần
11	13B3080104	Lê Minh	Cường	13TC-Đ1	04/7/1994	Thanh Hóa			5.9	6.6	6.2	8.0	7.0	6.0	7.0	6.6	TB	104	x		3 môn 1 lần
12	13B3080007	Nguyễn Văn	Cường	13TC-Đ1	16/9/1990	Thái Nguyên			6.9	6.6	6.8	7.5	7.0	7.0	7.2	7.0	TB	104	x	x	3 môn 1 lần
13	13B3080016	Nguyễn Quang	Đại	13TC-Đ1	05/8/1995	Khánh Hòa			6.1	6.7	6.3	7.0	7.0	5.5	6.5	6.4	TB	104	x	x	3 môn 1 lần
14	13B3080026	Nguyễn Cảnh	Hung	13TC-Đ1	31/10/1994	Tp. Hồ Chí Minh			6.2	6.9	6.5	7.0	8.0	5.0	6.7	6.6	TB	104	x	x	3 môn 1 lần
15	13B3080031	Phùng Xương	Huy	13TC-Đ1	29/9/1995	Đồng Nai			6.5	7.5	6.9	7.0	8.5	7.0	7.5	7.2	TB	104	x	x	3 môn 1 lần
16	13B3080032	Nguyễn Văn	Khánh	13TC-Đ1	17/8/1995	Nghệ An			5.7	6.7	6.1	7.0	5.0	5.5	5.8	6.0	TB	104	x	x	3 môn 1 lần
17	13B3080057	Trương Văn	Phượng	13TC-Đ1	07/5/1993	Bình Thuận			6.0	6.6	6.2	5.5	6.0	6.0	5.8	6.0	TB	104	x	x	3 môn 1 lần
18	13B3080061	Nguyễn Văn	Quý	13TC-Đ1	07/4/1992	ĐăkNông			6.0	6.9	6.4	6.0	5.0	6.0	5.7	6.1	TB	104	x	x	3 môn 1 lần
19	13B3080092	Nguyễn Nhật	Tâm	13TC-Đ1	20/10/1995	Quảng Ngãi			5.9	6.6	6.1	7.0	5.0	5.0	5.7	5.9	TB	104	x	x	3 môn 1 lần
20	13B3080068	Nguyễn Trung	Thành	13TC-Đ1	04/5/1995	Quảng Ngãi			6.0	6.9	6.4	7.0	7.5	5.0	6.5	6.5	TB	104	x	x	3 môn 1 lần

STT	MSHS	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	GT	DÂN TỘC	ĐIỂM TBC HỌC TẬP TOÀN KHÓA			ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP				ĐIỂM XẾP LOẠI TN	XẾP LOẠI TN	TỔNG SỐ ĐVHT	CÓ CC TIN HỌC	CÓ CC ANH VĂN	GHI CHÚ
									Năm I	Năm II	TBC	C.TRI	LT	TH	TBC						
21	13B3080097	Hoàng Quang	Thọ	13TC-ĐI	10/7/1993	Cao Bằng			6.0	7.5	6.6	7.5	6.0	5.0	6.2	6.4	TB	104	x	x	3 môn 1 lần
22	13B3080071	Vương Hoàng	Thọ	13TC-ĐI	10/10/1988	Kiên Giang			6.0	7.0	6.4	7.0	6.0	5.0	6.0	6.2	TB	104	x	x	3 môn 1 lần
23	13B3080081	Vũ Minh	Toàn	13TC-ĐI	02/8/1995	Nghệ An			6.0	7.0	6.4	8.0	5.0	7.0	6.7	6.6	TB	104	x	x	3 môn 1 lần
24	13B3080095	Bùi Việt	Tòng	13TC-ĐI	03/4/1995	Quảng Ngãi			6.0	7.0	6.4	6.0	5.0	5.0	5.3	5.9	TB	104	x	x	3 môn 1 lần
25	13B3080082	Phan Minh	Trí	13TC-ĐI	10/12/1995	Bình Thuận			6.6	7.5	7.0	5.5	7.0	6.0	6.2	6.6	TB	104	x	x	3 môn 1 lần
26	13B3150001	Nguyễn Cao Tuấn	Anh	13TC-ĐT	28/12/1995	Quảng Bình			6.7	7.2	6.9	7.0	5.0	8.0	6.7	6.8	TB	102	x	x	3 môn 1 lần
27	13B3150028	Phạm	Hiền	13TC-ĐT	27/02/1995	Tp. Hồ Chí Minh			6.8	7.8	7.2	5.0	5.5	7.0	5.8	6.5	TB KHÁ	102	x	x	1 môn 2 lần
28	13B2250004	Hà Huy	Bình	13TC-Ô1	09/10/1993	Hà Tĩnh			5.9	6.9	6.2	5.5	5.0	5.0	5.2	5.7	TB	111		x	3 môn 1 lần
29	13B2250008	Hoàng Trọng	Cương	13TC-Ô1	03/6/1991	Nghệ An			6.3	7.0	6.6	8.0	7.0	5.0	6.7	6.7	TB KHÁ	111	x	x	1 môn 2 lần
30	13B2250010	Mai Công	Danh	13TC-Ô1	26/6/1995	Tây Ninh			5.9	6.5	6.1	7.0	5.0	5.0	5.7	5.9	TB	111	x	x	3 môn 1 lần
31	13B2250014	Hồng Đình	Duy	13TC-Ô1	25/11/1994	Tp. Hồ Chí Minh			5.8	6.3	6.0	7.5	5.0	8.0	6.8	6.4	TB	111	x	x	3 môn 1 lần
32	13B2250020	Nguyễn Vũ	Hào	13TC-Ô1	29/8/1995	Bình Định			6.0	7.2	6.5	7.5	7.5	5.0	6.7	6.6	TB	111		x	3 môn 1 lần
33	13B2250025	Võ Trung	Hiếu	13TC-Ô1	07/11/1995	Bình Định			6.2	6.8	6.4	6.0	5.5	6.0	5.8	6.1	TB	111	x	x	3 môn 1 lần
34	13B2250027	Nguyễn Minh	Hoàng	13TC-Ô1	20/11/1994	Bình Thuận			6.1	7.0	6.4	7.5	5.5	7.0	6.7	6.6	TB	111	x	x	3 môn 1 lần
35	13B2250032	Nguyễn Thiên	Kha	13TC-Ô1	14/6/1995	Trà Vinh			6.3	6.7	6.5	7.0	5.0	6.0	6.0	6.3	TB	111			3 môn 1 lần
36	13B2250035	Nguyễn Ngọc	Kỳ	13TC-Ô1	16/02/1994	Quảng Ngãi			6.3	6.9	6.6	6.0	5.0	5.0	5.3	6.0	TB	111	x	x	3 môn 1 lần
37	13B2250038	Bùi Ngọc	Liên	13TC-Ô1	02/3/1994	Bình Định			5.6	6.9	6.0	8.5	5.0	6.0	6.5	6.3	TB	111	x	x	3 môn 1 lần
38	13B2250093	Nguyễn Phước	Quang	13TC-Ô1	20/8/1995	Quảng Ngãi			6.1	6.6	6.3	5.5	5.0	5.0	5.2	5.8	TB	111	x	x	3 môn 1 lần
39	13B2250066	Lương Văn	Quyển	13TC-Ô1	10/02/1995	Bình Định			6.1	7.2	6.5	7.0	5.0	5.0	5.7	6.1	TB	111	x	x	3 môn 1 lần
40	13B2250074	Bùi Vũ	Thị	13TC-Ô1	07/9/1994	Lâm Đồng			6.4	7.7	6.9	6.0	7.0	5.0	6.0	6.5	TB	111	x	x	3 môn 1 lần
41	13B2250076	Nguyễn Đức	Thịnh	13TC-Ô1	05/10/1994	Gia Lai			5.9	6.8	6.2	8.5	5.0	5.0	6.2	6.2	TB	111		x	3 môn 1 lần
42	13B2050015	Trần Thị	Tâm	13TC-MT	25/8/1994	Đắk Lắk	X		6.3	7.2	6.7	5.0	6.5	7.5	6.3	6.5	TB	105	x	x	3 môn 1 lần

Tổng cộng danh sách có 42 học sinh

* Loại TB KHÁ : 02 HS # 4.76 %

* Loại TB : 40 HS # 95.24 %



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc

TRƯỞNG PHÒNG TS - ĐÀO TẠO - GTVL

Nguyễn Văn Tân

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2016

DANH SÁCH HỌC SINH KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP
Kỳ thi tháng 01 năm 2016

STT	MSHS	HỌ VÀ TÊN	LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	GT	DÂN TỘC	ĐIỂM TBC HỌC TẬP TOÀN KHÓA			ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP				XẾP LOẠI TN	TỔNG SỐ ĐVHT	CÓ CC TIN HỌC	CÓ CC ANH VĂN	GHI CHÚ
								Năm I	Năm II	TBC	C.TRJ	LT	TH	TBC					
KHÓA 2012 TCCN																			
1	12B3150007	Nguyễn Minh Dương	12TC-ĐT1	30/1/1994	Bình Thuận			5.8	6.3	6.0	7.0	4.0	5.0	5.3	HỎNG	109			Thi lại 3 môn
2	12B3150012	Trần Giang Hậu	12TC-ĐT1	14/4/1993	Bình Định			6.2	6.4	6.3	6.0	4.0	5.0	5.0	HỎNG	109			Thi lại 3 môn
3	12B2020078	Nguyễn Hoàng Vương	12TC-QTM 1	13/12/1994	Ninh Thuận			5.8	6.8	6.2	6.5	8.0	4.0	6.2	HỎNG	106			Thi lại thực hành
KHÓA 2013 TCCN																			
4	13B2050017	Trương Ngọc Thoa	13TC-MT	28/8/1994	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ		6.3	6.4	6.3	5.0	4.5	6.5	5.3	HỎNG	105	x	x	Thi lại lý thuyết
5	12B2020004	Huỳnh Văn Dương	13TC-QTM	16/6/1994	Phước Yên			5.7	6.1	5.9	6.5	5.0	4.0	5.2	HỎNG	99		x	Thi lại thực hành

Tổng cộng danh sách có 05 học sinh

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc

TRƯỞNG PHÒNG TS - ĐÀO TẠO - GTVL

(Signature)
Nguyễn Văn Tân